

Hội đồng quản lý Bảo hiểm y tế Việt Nam có Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các thành viên.

Chủ tịch Hội đồng quản lý là một lãnh đạo Bộ Y tế do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ. Các thành viên là đại diện có thẩm quyền của các Bộ: Y tế, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và Bảo hiểm Y tế Việt Nam.

Bộ trưởng Bộ Y tế bổ nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý và các thành viên của Hội đồng quản lý Bảo hiểm y tế Việt Nam sau khi có sự thỏa thuận của các Bộ, ngành nói trên.

Điều 29. Bảo hiểm y tế Việt Nam do Tổng Giám đốc quản lý và điều hành theo chế độ thủ trưởng. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc.

Bộ trưởng Bộ Y tế bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc Bảo hiểm y tế Việt Nam theo đề nghị của Hội đồng quản lý Bảo hiểm y tế Việt Nam và thỏa thuận của Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Các Phó Tổng Giám đốc Bảo hiểm y tế Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Y tế bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Tổng Giám đốc Bảo hiểm y tế Việt Nam.

Giám đốc Bảo hiểm y tế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Giám đốc Bảo hiểm y tế ngành do Tổng Giám đốc Bảo hiểm y tế Việt Nam bổ nhiệm, miễn nhiệm sau khi có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và lãnh đạo ngành.

Chương VIII

KHEN THƯỞNG, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Cơ quan, đơn vị và cá nhân có thành tích trong sự nghiệp bảo hiểm y tế được khen thưởng theo quy định chung.

Điều 31. Khi xảy ra khiếu kiện về bảo hiểm y tế thì tùy theo tính chất sự việc sẽ do cơ quan bảo hiểm y tế các cấp, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Cơ quan, đơn vị hoặc cá nhân vi phạm các quy định của Điều lệ này thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm y tế, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 59/1998/ND-CP ngày 13/08/1998 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị tại Văn bản số 657/TC-TW ngày 05/06/1998 của Ban Tổ chức Trung ương về nhiệm vụ của Ủy ban Dân tộc và Miền núi;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi, Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ủy ban Dân tộc và Miền núi là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc và miền núi

trong phạm vi cả nước, đồng thời là cơ quan tham mưu cho Trung ương Đảng về chủ trương, chính sách đối với các dân tộc thiểu số và miền núi.

Điều 2. Ủy ban Dân tộc và Miền núi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ quy định tại Nghị định số 15/CP ngày 02/03/1993 của Chính phủ và có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

1. Nghiên cứu, tổng hợp các vấn đề về dân tộc và miền núi. Trình Trung ương Đảng và Chính phủ những chủ trương, chính sách, luật pháp về dân tộc và miền núi; ban hành theo thẩm quyền các văn bản pháp luật và tổ chức thực hiện các vấn đề nói trên.

Chuẩn bị hoặc tham gia chuẩn bị các dự thảo nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị về chủ trương, chính sách đối với dân tộc và miền núi.

2. Tham gia với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức chính trị - xã hội, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về những vấn đề liên quan đến dân tộc và miền núi; tham gia việc thẩm định chiến lược phát triển vùng, kế hoạch kinh tế - xã hội, khoa học công nghệ và các dự án nước ngoài tài trợ được thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

3. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về dân tộc và miền núi trong phạm vi cả nước.

4. Thực hiện nhiệm vụ về công tác tổ chức cán bộ theo quy định của Trung ương Đảng; kiến nghị với Trung ương Đảng, Chính phủ, các Bộ, ngành, địa phương về chủ trương, chính sách, giải pháp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ dân tộc thiểu số.

Tham gia vào việc đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số và tổ chức thực hiện việc bồi dưỡng cán bộ dân tộc và cán bộ làm công tác dân tộc.

5. Tổ chức thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực dân tộc theo quy định của pháp luật.

6. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan của Đảng và Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội trong việc tuyên truyền chủ trương, chính sách, pháp luật về dân tộc.

7. Chỉ đạo việc thực hiện một số chương trình, dự án, mô hình điểm trên địa bàn vùng dân tộc, miền núi do Chính phủ giao.

8. Tiếp đón, thăm hỏi đồng bào dân tộc, nắm yêu cầu, nguyện vọng của đồng bào. Chủ trì hoặc phối hợp với các Bộ, Ban, ngành Trung ương, địa phương giải quyết các nguyện vọng chính đáng của đồng bào dân tộc thiểu số.

9. Quản lý về tổ chức và cán bộ, công chức của Ủy ban Dân tộc và Miền núi theo quy định.

Điều 3. Ủy ban Dân tộc và Miền núi do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban lãnh đạo, có các Phó Chủ nhiệm giúp việc Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban. Các Phó Chủ nhiệm do Thủ tướng Chính phủ bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban chịu trách nhiệm trước Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội về toàn bộ hoạt động của Ủy ban. Các Phó Chủ nhiệm chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban về lĩnh vực công tác do Bộ trưởng, Chủ nhiệm phân công.

Điều 4. Tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân tộc và Miền núi gồm:

1- Các tổ chức giúp Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi thực hiện chức năng quản lý nhà nước:

1. Vụ Chính sách Dân tộc.
2. Vụ Chính sách Miền núi.
3. Vụ Tổng hợp.
4. Vụ Hợp tác Quốc tế.
5. Vụ Tổ chức - Cán bộ.
6. Vụ Pháp chế.
7. Thanh tra.
8. Văn phòng.

9. Cơ quan đặc trách công tác dân tộc ở Nam Bộ (tại Cần Thơ).

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các đơn vị tại khoản 1 Điều này.

2- Các tổ chức sự nghiệp trực thuộc Ủy ban:

1. Viện Nghiên cứu chính sách Dân tộc và Miền núi.

2. Tạp chí Dân tộc và Miền núi.

3. Trung tâm bồi dưỡng cán bộ dân tộc.

4. Trung tâm thông tin và tư liệu.

Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của các đơn vị sự nghiệp nói tại khoản 2 Điều này sau khi thỏa thuận với các Bộ liên quan và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

3- Các doanh nghiệp trực thuộc Ủy ban Dân tộc và Miền núi được tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Tổ chức bộ máy giúp Ủy ban nhân dân địa phương quản lý nhà nước về công tác dân tộc và miền núi do Ủy ban nhân dân địa phương, Ủy ban Dân tộc và Miền núi, và Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 6. Nghị định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký. Bãi bỏ Nghị định số 11/CP ngày 20/02/1993 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Dân tộc và Miền núi.

Điều 7. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và Miền núi, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 60/1998/ND-CP ngày 14/08/1998 về việc thành lập xã Phước Minh thuộc huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận và Bộ trưởng, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập xã Phước Minh thuộc huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận trên cơ sở điều chỉnh 6.300 ha diện tích tự nhiên và 1.470 nhân khẩu của xã Phước Nam; 1.750 ha diện tích tự nhiên và 1.623 nhân khẩu của xã Phước Diêm cùng huyện.

Xã Phước Minh có 8.050 ha diện tích tự nhiên và 3.090 nhân khẩu.

Địa giới hành chính xã Phước Minh: Đông giáp xã Phước Dinh; Tây giáp xã Nhị Hà; Nam giáp xã Phước Diêm và xã Vĩnh Hảo (huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận); Bắc giáp xã Phước Nam.

Sau khi điều chỉnh địa giới hành chính:

Xã Phước Nam có 6.300 ha diện tích tự nhiên và 12.700 nhân khẩu.

Xã Phước Diêm có 5.930 ha diện tích tự nhiên và 11.933 nhân khẩu.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký. Mọi quy định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh